| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH K** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 35/2022/QĐST-HNGĐ | *Ngọc Hồi, ngày 29 tháng 9 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2022/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm 1973;

Bị đơn: Chị Hoàng Thanh H – sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm 1973 và chị Hoàng Thanh H – sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Hoàng Thanh H, thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Cháu Nguyễn Hữu Hoàng L – sinh ngày 01/9/1998 đã trưởng thành, tự lập được; Chị Hoàng Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hữu Hoàng H – sinh ngày 09/12/2007 đến khi trưởng thành, tự lập được. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định cho chị Hoàng Thanh H được toàn quyền quản lý sử dụng và định đoạt số tài sản như sau:

**Tài sản 1:** Thửa đất số 16; tờ bản đồ số 27; diện tích 873,6 $m^2$; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X 149310; địa chỉ thửa đất: Xã Đ, huyện N, tỉnh K; mang tên hộ ông Nguyễn Văn V do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/10/2003. Ngày 17/4/2020 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thanh H; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K, theo hồ sơ số 01873.CN.005.

**Tài sản 2:** Thửa đất số 15; tờ bản đồ số 27; diện tích 636 $m^2$; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X 149312; địa chỉ thửa đất: Xã Đ, huyện N, tỉnh K; mang tên hộ ông Nguyễn Văn V do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/10/2003. Ngày 17/4/2020 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thanh H; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N tỉnh K. Theo hồ sơ số 01874.CN.005.

**Tài sản 3:** Thửa đất số 92c; tờ bản đồ số 26-88; diện tích 979,7 $m^2$; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX 272800; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K; mang tên ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thanh H do Ủy ban nhân dân huyện N tỉnh K cấp ngày 03/12/2015.

Anh Nguyễn Hữu T không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến số tài sản nêu trên.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thanh H và anh Nguyễn Hữu T đồng ý có trách nhiệm với nhau về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền quản lý, sử dụng, sang tên tài sản đã thỏa thuận chia nêu trên.

2.4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 7 Điều 26; Điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Hữu T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trả lại cho anh Nguyễn Hữu T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0002792 ngày 21-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND TT Plei Kần, tỉnh K;
- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**
***(đã ký)***

**Nguyễn Bá Khen**